



# Tổng quan kinh tế Việt Nam và triển vọng 2009

**TS. NGUYỄN MINH PHONG**

Viện nghiên cứu phát triển KTXH Hà Nội

## Những động thái kinh tế chủ yếu năm 2008

Năm 2008 sẽ được ghi nhận trong lịch sử phát triển kinh tế Việt Nam và cả thế giới như một năm thật đặc biệt với sự hội tụ và dồn nén đến đỉnh điểm của những khó khăn toàn diện khách quan và chủ quan, trong nước và nước ngoài, con người và thiên nhiên, cùng những động thái thị trường trời sục căng thẳng đầy kịch tính, cũng như nhiều quyết định bất thường trong quản lý kinh tế vĩ mô... Đặc biệt, kinh tế Việt Nam năm 2008 chứng kiến nhiều kỷ lục nhất trong vòng hơn mười năm trở lại đây, mà nổi bật là :

**Thứ nhất**, tốc độ lạm phát và mức nhập siêu cao nhất: mức lạm phát cả năm so với tháng 12/2007 ước khoảng 24%, cao nhất kể từ năm 1992 trở lại đây. Nhập khẩu hàng hóa ước tính cả năm 2008 là 84 tỷ USD, so với tổng xuất khẩu là 65 tỷ USD, tức nhập siêu cả năm ước khoảng 19 tỷ USD, tăng hơn 70% so với năm 2007 và gấp 2,5 lần năm 2005. Đặc biệt, đang đậm dần một số khuynh hướng đáng lo ngại mà chúng ta ít để ý, đó là nhập và sẽ nhập cả những mặt hàng tưởng là thế mạnh xuất khẩu, như nguyên liệu thủy sản, muối, gạo, ngô, gà, lợn, gỗ, thậm chí cả rau xanh, tầm tre, chiếu trúc..., trong khi kim ngạch xuất khẩu của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không cao như mong đợi (tính chung trong cả 3 năm 2006-2008, xuất khẩu của khu vực này mới đạt 58,7 tỷ USD, tức khoảng 55% so với mục tiêu đề ra từ 2006- 2010);

**Thứ hai**, tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại

đáng kể: GDP cả năm ước tăng 6,6-7% (quy mô nền kinh tế khoảng 89 tỷ USD, tức đạt hơn 1.000 USD/người), trong đó giá trị sản xuất công nghiệp ước tăng 16,2% và giá trị gia tăng chỉ tăng khoảng 9,4-9,6%, tức tốc độ tăng giá trị khu công nghiệp và xây dựng năm 2008 ước sẽ giảm sút khá lớn, chỉ đạt 7,3-7,5% đây là mức tăng thấp nhất trong vòng 17 năm qua; khu vực dịch vụ có mức tăng trưởng ổn định hơn, ước cả năm đạt 7,2-7,8%, nhưng cũng thấp hơn so với mức 8,29% của năm 2006 và 8,68% của năm 2007. Thị trường chứng khoán trong năm bao trùm không khí trì trệ hoặc tụt dốc, thị trường bất động sản trầm lắng, thị trường tín dụng - tiền tệ căng thẳng... Dự nợ Chính phủ, bao gồm cả nợ trái phiếu Chính phủ tính đến cuối năm 2008 ước bằng 33,5% GDP, dự nợ nước ngoài của quốc gia bằng 27,2% GDP. Tổng thu nội địa chỉ đạt 51% so với mục tiêu kế hoạch đề ra là 59-60%. Nguồn thu ngân sách Nhà nước (NSNN) chủ yếu mới đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên, còn phân tích lũy cho chi đầu tư phát triển chủ yếu dựa vào vốn vay của NSNN để bù đắp bội chi và thu từ sử dụng đất. Tỷ lệ huy động vốn đầu tư toàn xã hội năm 2008 ước đạt 39%, thấp hơn so với mức 42,3% năm 2006 và 45,6% của năm 2007 (trong đó vốn đầu tư từ NSNN trung bình trong 3 năm qua là 21,1% tổng vốn đầu tư xã hội). Năm 2008 tổng phương tiện thanh toán ước tăng 16-18%, tổng dư nợ cho vay nền kinh tế tăng dưới 30%, tốc độ tăng lượng tiền mặt ngoài ngân hàng khoảng 40% (so với mức 17% năm 2006), huy động vốn vào ngân hàng giảm mạnh, chỉ tăng khoảng 13% (so với 45,8% năm 2007), tỷ trọng tiền gửi kỳ hạn trên 1 năm mới có 30%, trên 50% vốn nội tệ ngắn hạn dùng để cho vay trung và dài hạn...

**Thứ ba**, môi trường đầu tư sản xuất-kinh doanh bị “nhiều” và giảm sức cạnh tranh bởi các can thiệp phi thị trường (can thiệp hành chính trực tiếp gia tăng, điển hình là về giá xăng dầu, về xuất khẩu gạo và sắt thép, về tỷ giá và về lãi suất tín dụng, mặc dù chính sách lãi suất cơ bản đã linh hoạt và bám sát thị





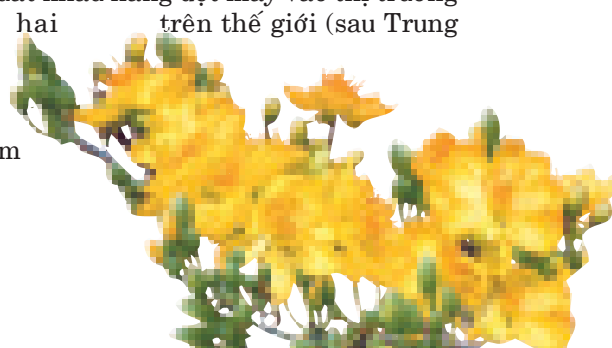
trường hơn...) và xuất hiện nhiều nghịch lý, cũng như sự bùng phát nhiều “lốc xoáy” giá cả trên thị trường, điển hình là bùng phát cơn sốt nóng – lạnh bất ngờ, ngoài khả năng dự báo lôgic về USD, về gạo, sắt thép, xăng dầu, vàng... với những chiều hướng giá cả nhiều khi ngược chiều hoặc giãn cách khá xa với xu hướng và mặt bằng giá thế giới;

**Thứ tư**, những khó khăn trong hoạt động kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp và đời sống của đa số người dân có dấu hiệu đậm nét hơn, nhiều vấn đề an sinh xã hội gia tăng áp lực. Cuối tháng 5/2008 số hộ và lượng người nghèo tăng gấp đôi cùng kỳ năm ngoái, nếu tính chỉ tiêu nghèo theo chuẩn nghèo mới thì lượng người nghèo trên thực tế còn nhiều hơn nữa, tuy trong tháng 7/2008, số hộ thiếu đói trên toàn quốc giảm 57,3% so với tháng trước đó, cả nước có 43.700 hộ với 198.000 nhân khẩu thiếu đói, chiếm 0,38% tổng số hộ nông nghiệp và 0,39% tổng số nhân khẩu nông nghiệp. Theo báo cáo sơ bộ 20 ngày đầu tháng 10/2008, cả nước có 31,9 nghìn hộ và 147,2 nghìn nhân khẩu thiếu đói, chiếm 0,28% tổng số hộ nông nghiệp và 0,29% tổng số nhân khẩu nông nghiệp, tập trung chủ yếu ở các tỉnh thuộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc; vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. So với tháng trước, số hộ thiếu đói tăng 10,9% và số nhân khẩu thiếu đói tăng 10,2%, nguyên nhân chủ yếu do ảnh hưởng của các cơn bão số 6, 7, 8 xảy ra liên tiếp vào cuối tháng 9, đầu tháng 10/2008. So với cùng kỳ năm 2007, số hộ thiếu đói giảm 17,9%; số nhân khẩu thiếu đói giảm 19,2%. Để khắc phục tình trạng thiếu đói, từ đầu năm các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể từ trung ương đến địa phương đã hỗ trợ cho các hộ thiếu đói 32,2 nghìn tấn lương thực và trên 10 tỷ đồng.

**Thứ năm**, từ những tháng nửa cuối năm 2008 đã có sự cải thiện dần các chỉ số lạm phát và thâm hụt thương mại, mối lo về cuộc khủng hoảng tiền tệ đã dịu đi: Từ tháng 6,7/2008 trở lại đây, tốc độ tăng CPI trên thị trường trong nước đã chững lại khá rõ rệt. Chỉ số CPI cả nước trong tháng 9/2008 chỉ tăng 0,18% so với tháng trước (giá tiêu dùng các tháng 1-8/2008 so với tháng trước lần lượt tăng: 2,38%; 3,56%; 2,99%; 2,2%; 3,91%; 2,14%; 1,13%; và 1,56%); CPI so với cùng kỳ năm ngoái đã đến đỉnh trong tháng 8 (28,4%), giảm dần đến cuối năm và ước đạt mức 24%. Riêng chỉ số CPI tháng 10/2008 giảm 0,19% so với tháng trước, là lần giảm đầu tiên kể từ đầu năm trở lại đây do hợp lực của 8 nhóm giải pháp kiềm chế lạm phát của Chính phủ và do giá cả nhiều mặt hàng trên thế giới giảm (CPI 10 tháng năm 2008 so với 10 tháng năm 2007 tăng 23,15%; còn chỉ số CPI tháng 11/2008 có sự xáo trộn về xu hướng với mức tiếp tục giảm chung 0,7%), nhưng có sự gia tăng nhẹ ở TP. Hà Nội (tăng 1,07%) gắn với hệ quả cơn mưa úng ngập lịch sử trong tháng này trên địa bàn thủ đô và ở một số địa phương khác... Trên phạm vi nền

kinh tế, thanh toán quốc tế vẫn được duy trì ổn định, sự căng thẳng thâm hụt trong cán cân thanh toán đang dần được cải thiện, do thặng dư cán cân vốn nên thặng dư cán cân tổng thể cả năm 2008 vẫn đạt 2,5 tỷ USD, dự trữ ngoại tệ được bảo tồn và tăng thêm; thị trường nội tệ và ngoại tệ đã có sự ổn định trở lại, tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đồng đô la Mỹ trên thị trường “chợ đen” khá ổn định... Thâm hụt thương mại được cải thiện. Sự mở rộng các mặt hàng xuất khẩu là rất ấn tượng. Cả nước đã có 10 nhóm hàng hóa có kim ngạch xuất khẩu đạt trên 1 tỷ USD tăng 2 mặt hàng so với năm 2007, là than đá và cao su. Nhìn chung, kim ngạch của hầu hết các mặt hàng xuất khẩu trong 10 tháng đầu năm 2008 đều tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó 10 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD vẫn duy trì mức tăng cao: Dầu thô đạt 9,5 tỷ USD, tăng 43,2%; hàng dệt may đạt 7,6 tỷ USD, tăng 20,3%; giày dép đạt 3,8 tỷ USD, tăng 16,9%; thủy sản đạt 3,8 tỷ USD, tăng 23,7%; gạo đạt 2,6 tỷ USD, tăng 83,4%; sản phẩm gỗ đạt 2,3 tỷ USD, tăng 18,6%; điện tử, máy tính đạt 2,2 tỷ USD, tăng 27,3%; cà phê đạt 1,7 tỷ USD, tăng 9,5%; cao su đạt 1,4 tỷ USD, tăng 28,9%; than đá đạt 1,3 tỷ USD, tăng 57,4%. Trong các thị trường xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ 10 tháng năm nay đạt 9,8 tỷ USD, tăng 18,4% với các mặt hàng chính như: Hàng dệt may đạt 4,4 tỷ USD, giày dép 850 triệu USD, gỗ và sản phẩm gỗ 860 triệu USD, dầu thô 790 triệu USD; thị trường ASEAN đạt 9,2 tỷ USD, tăng 41,7% so với cùng kỳ năm trước; thị trường EU đạt 8,5 tỷ USD, tăng 19%; Ô-x-trây-li-a đạt 3,9 tỷ USD, tăng 54%; Trung Quốc đạt 3,8 tỷ USD, tăng 48%. Đáng chú ý là Á rập Xê út, một thị trường vùng Trung Đông tuy chỉ đạt 108 triệu USD, nhưng tăng khá cao ở mức 155%, đây là dấu hiệu tốt để thời gian tới các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam có thể đẩy mạnh khai thác các thị trường tại vùng này nhằm tăng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước. Tính chung kim ngạch hàng hóa nhập khẩu 10 tháng ước tính đạt 70,1 tỷ USD, tăng 42,6% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm khu vực kinh tế trong nước đạt trên 45,8 tỷ USD, tăng 44,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 24,2 tỷ USD, tăng 39%.

Kim ngạch hàng hoá nhập khẩu 10 tháng từ các nước ASEAN ước tính đạt 17,7 tỷ USD, tăng 41% so với cùng kỳ năm 2007; tiếp đến là Trung Quốc 13,4 tỷ USD, tăng 42%; Nhật Bản 6,8 tỷ USD, tăng 7,7%. EU 4,8 tỷ USD, tăng 14%. Hiện Việt Nam là nước đứng thứ nhất (chiếm 50% thị trường) thế giới xuất khẩu cà phê hạt và đứng thứ 2 thế giới về xuất khẩu gạo; Việt Nam đã vượt Ấn Độ, trở thành nước xuất khẩu hàng dệt may vào thị trường Mỹ lớn thứ hai trên thế giới (sau Trung Quốc). Hy vọng hoàn thành kế hoạch năm





2008 của ngành du lịch Việt Nam là tương đối khả quan trong bối cảnh du lịch thế giới có sự suy giảm mạnh. Thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản đã qua thời kỳ khó khăn nhất. Lòng tin đã dần trở lại với giới đầu tư, nhất là các nhà đầu tư chuyên nghiệp. Đặc biệt, thị trường bất động sản có nhiều dấu hiệu cho thấy sẽ có những khởi sắc đáng kể ở những phân khúc thị trường tiềm năng, như thị trường nhà cho người thu nhập thấp, thị trường nhà cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài và thị trường nhà văn phòng cho thuê...

Các khu vực kinh tế tăng trưởng khá ổn định. Tốc độ phát triển kinh tế của Việt Nam hiện vẫn thuộc hàng dẫn đầu các nước khu vực. Trong khi thế giới đang vật lộn với khủng hoảng dầu và lương thực, thì Việt Nam tăng được lượng tìm thấy và sản lượng khai thác – xuất khẩu dầu mỏ; đồng thời ngành nông nghiệp được mùa lớn. Tính chung 10 tháng năm 2008, giá trị sản xuất công nghiệp ước tính tăng 15,8% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm khu vực kinh tế Nhà nước tăng 5,5% (Trung ương quản lý tăng 7,7%; địa phương quản lý giảm 1,7%); khu vực kinh tế ngoài Nhà nước tăng 21,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 17,8% (dầu mỏ và khí đốt giảm 8,2%; các ngành khác tăng 20,6%). Một số địa phương có quy mô sản xuất công nghiệp lớn vẫn duy trì được tốc độ tăng tương đối cao là: Vinh Phúc tăng 28,4%; Bình Dương tăng 23,6%; Đồng Nai tăng 21,1%; Hải Phòng tăng 18%; Cần Thơ tăng 16,3%; Phú Thọ tăng 15,8%. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều tỉnh, thành phố lớn có mức tăng thấp hoặc giảm so với cùng kỳ năm trước, trong đó Thanh Hóa tăng 15,3%; Hải Dương tăng 13,7%; Quảng Ninh tăng 13,2%; Hà Nội tăng 12,9%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 12%; Bà Rịa-Vũng Tàu giảm 2,1%.

Sản xuất một số sản phẩm thiết yếu nhìn chung vẫn duy trì được tốc độ tăng cao hơn mức tăng chung của toàn ngành: Xe tải tăng 64,2%; xe chở khách tăng 53,3%; quần áo người lớn tăng 33,9%; máy giặt tăng 33,8%; sữa bột tăng 28,7%; tủ lạnh, tủ đá tăng 25,6%; thủy hải sản chế biến tăng 23,6%; ti vi tăng 20,4%; biến thể điện tăng 18,8%; xà phòng giặt tăng 17,2%. Tuy nhiên, sản lượng nhiều loại sản phẩm quan trọng khác phục vụ sản xuất trong nước, phục vụ xuất khẩu hoặc phải nhập khẩu cho sản xuất và tiêu dùng trong nước chỉ tăng ở mức thấp, thậm chí giảm so với cùng kỳ năm trước như: Đường tăng 5%; phân hóa học tăng 4,4%; sơn hóa học tăng 1,3%; vải dệt từ sợi bông tăng 0,2%; than đá giảm 1,2%; kính thủy tinh giảm 4,1%; vải dệt từ sợi tổng hợp giảm 5%; thép tròn giảm 7,7%; dầu thô khai thác giảm 8,1%.

Năm 2008, cả nước đã có khoảng 382 ngàn doanh nghiệp đang hoạt

động, trong đó khu vực kinh tế tư nhân chiếm 47% GDP

Các cam kết hội nhập vẫn được Việt Nam tôn trọng nghiêm túc. Uy tín và “thương hiệu Việt Nam” vẫn được củng cố trong sự nhìn nhận và lựa chọn của thế giới; thu hút vốn đầu tư nước ngoài đang có những dấu hiệu rất tốt, đặc biệt kết quả thu hút FDI đạt mức kỷ lục chưa từng có trong lịch sử đất nước với mức tổng cộng cả năm 2008 ước vốn đăng ký khoảng 65 tỷ USD (đầu tư trực tiếp của nước ngoài trong tháng 10/2008 đã có 68 dự án cấp phép mới với tổng số vốn đăng ký 2 tỷ USD, nâng tổng số dự án cấp mới từ đầu năm đến 22/10/2008 lên 953 dự án, tổng số vốn đăng ký 58,3 tỷ USD, tuy giảm 16,7% về số dự án nhưng tăng 497,7% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Nếu tính thêm 1 tỷ USD vốn đăng ký bổ sung của 247 lượt dự án được cấp phép các năm trước thì 10 tháng cả nước đã thu hút được 59,3 tỷ USD vốn đăng ký, tăng 426,6% so với cùng kỳ năm trước. Tổng vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài thực hiện 10 tháng năm 2008 ước tính đạt 9,1 tỷ USD, tăng 38,3% so với cùng kỳ năm 2007). Hơn nữa, đang và sẽ xuất hiện ngày càng nhiều dự án FDI siêu lớn, tới hàng chục tỷ USD, cũng như sẽ có sự gia tăng các dự án phát triển công nghiệp phụ trợ và phát triển khu vực dịch vụ, nhất là dịch vụ trình độ cao, chất lượng cao, tạo sự thay đổi về chất trong quá trình mở cửa, thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, cũng như thể hiện hùng hồn nhất sự tin tưởng vào triển vọng tốt đẹp của nền kinh tế Việt Nam từ cộng đồng doanh nhân thế giới.

Đặc biệt, vốn cam kết ODA của các nhà tài trợ trong năm 2008 đạt tới 5,43 tỷ USD, mức kỷ lục cao nhất trong vòng từ trước tới nay (tổng ODA cam kết 3 năm qua đạt 13,62 tỷ USD, trong đó đã ký kết các điều ước quốc tế với tổng trị giá 9,6 tỷ USD và giải ngân khoảng 6,1 tỷ USD).

Dòng đầu tư gián tiếp nước ngoài cũng có dấu hiệu gia tăng trở lại với 46 quỹ đầu tư nước ngoài chuyên đầu tư vào Việt Nam, chủ yếu nhắm vào thị trường BĐS và tài chính - ngân hàng. Xu hướng đẩy mạnh mua vào cổ phiếu các ngân hàng Việt Nam của các nhà đầu tư nước ngoài ngày càng đậm nét hơn (chỉ riêng tháng 8/2008 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á Seabank đã chính thức bán 15% cổ phần cho một đối tác Ngân hàng của Pháp; Techcombank đã nâng tỷ lệ sở hữu của HSBC tại ngân hàng lên 20%; Vpbank cũng bán lại 15% cổ phần cho Ngân hàng OCBC của Singapore và sẽ đề nghị Chính phủ cho phép bán tiếp 5% vốn cho OCBC...). Tỷ trọng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài đang tăng dần và chiếm khoảng trên 20% thị phần TTCK Việt Nam. Đặc biệt, HSBC và Standard Chartered là hai ngân hàng 100% nước ngoài đầu tiên ở Việt Nam vừa chính thức khai trương vào trung tuần tháng 9/2008... Các nhà đầu tư nước ngoài dường như đã bước sang giai đoạn tăng tốc chiếm lĩnh thị





trường Việt Nam ...

Thế giới đang hiểu và xích gần Việt Nam hơn. Tổ chức Tư vấn và Kiểm toán thế giới PriceWaterHouseCoopers xếp Việt Nam thứ nhất trong số 20 nền kinh tế đang lên và có sức hấp dẫn cao với các nhà đầu tư vào ngành sản xuất, trong đó có công nghiệp phụ trợ. Ngân hàng Thế giới cũng đưa Việt Nam lên nhiều bậc trong báo cáo về môi trường thương mại và kinh doanh (theo Báo cáo môi trường kinh doanh mới nhất của Ngân hàng thế giới, Việt Nam được xếp thứ 92 trong tổng số 181 quốc gia và vùng lãnh thổ về mức độ thuận lợi kinh doanh).. Ngoài ra, khá nhiều doanh nghiệp nước ngoài, quỹ đầu tư, ngân hàng và tín dụng quốc tế, công ty đa quốc gia đều thành công khá rực rỡ cả về tài chính cũng như củng cố địa vị tại Việt Nam. Nhiều nhà đầu tư đã có dấu hiệu di chuyển trung tâm điều hành đầu não từ các nước như Singapore, Thái Lan... sang Việt Nam. Tờ Thời báo Doanh nghiệp Singapore Business Time đã xếp Việt Nam đứng thứ 2 trong việc thu hút đầu tư của Singapore ra nước ngoài... “Việt Nam là một đất nước của tương lai. Việt Nam có tiềm lực phát triển phi thường xứng đáng với quyền lợi của các nhà đầu tư nước ngoài” như sự khẳng định mạnh mẽ của Tổng thống Thụy Sĩ sau khi kết thúc chuyến thăm Việt Nam trong các ngày 4- 6/8/2008. Đặc biệt, trong chuyến công tác Việt Nam trung tuần tháng 9/2008, Phó Chủ tịch Ngân hàng Thế giới (WB) James Adam nhận định: “Việt Nam đã có những bài học về điều hành kinh tế vĩ mô để kiềm chế, giảm lạm phát, qua đó duy trì tăng trưởng... mọi khó khăn đang được khắc phục dần dần. Thách thức lớn nhất của Việt Nam vẫn là lạm phát, chứ không phải là môi trường cạnh tranh toàn cầu. Chính phủ đã hành động quyết liệt kiềm chế lạm phát và đã đạt được nhiều kết quả. Chính phủ Việt Nam đã có những quyết định thích hợp. Đến giờ vẫn chưa có dấu hiệu rủi ro nào trong các quyết định. Việt Nam có thể sẽ thành nước có thu nhập trung bình, thoát khỏi danh sách các nước nghèo của WB trong vòng 3 năm tới”. Chủ tịch Phòng Thương mại Hoa Kỳ tại Việt Nam Mai-con J.Pi-xơ đánh giá cao những thành công của Việt Nam trong việc thu hút đầu tư nước ngoài và cho rằng, sức hút của thị trường Việt Nam được xây dựng trên nền tảng những kỳ vọng sáng sủa về tình hình kinh tế và chính trị ổn định; và đây là yếu tố cơ bản khiến các doanh nghiệp Mỹ “ưa thích đầu tư ở Việt Nam hơn”. Theo điều tra hằng năm của Tổ chức Xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO), được tiến hành trên 1.745 doanh nghiệp Nhật Bản đang hoạt động tại châu Á, Việt Nam giữ vị trí cao trong các đánh giá về triển vọng đầu tư cả trung và dài hạn. Do vậy, về trung hạn, có 92,6% doanh nghiệp sản xuất và 88% doanh nghiệp dịch vụ dự định mở rộng kinh doanh tại Việt Nam trong vòng 1 - 2 năm tới. Về dài hạn, trong vòng 5 - 10 năm tới, Việt Nam được các nhà đầu tư Nhật Bản đánh giá là địa điểm sản xuất tốt nhất ở châu Á. Scot

Alan Marciel - Phó Trợ lý Ngoại trưởng Hoa Kỳ phụ trách Đông Nam Á và Thái Bình Dương - trong chuyến thăm Việt Nam đầu năm 2008 cũng khẳng định “Nhìn về Châu Á, Chính phủ Hoa Kỳ rất lạc quan về tương lai Việt Nam. Những vấn đề hai bên còn có những cái nhìn khác biệt sẽ được tiếp tục bàn thảo để tìm ra cách giải quyết mang tính xây dựng”. Tháng 5/2008, đoàn 50 quan chức cao cấp của 23 tập đoàn, công ty hàng đầu Mỹ (như: General Electric, Boeing, Chevron, ConocoPhillips, The Dow Chemical Company, ExxonMobil, Fedex, Ford, Glaxo-Smith Kline, IBM, Johnson & Johnson, Qualcomm, UPS... ) đã đến Việt Nam tìm hiểu cơ hội kinh doanh ở đây. Trưởng Đoàn - Chủ tịch Hội đồng Kinh doanh Mỹ - Asean, ông Matthew P.Daley cho biết: “Mặc dù nền kinh tế toàn cầu đang có nhiều thách thức lớn, nhưng các công ty của chúng tôi vẫn hết sức quan tâm đến Đông Nam Á, nhất là Việt Nam. Những tập đoàn lớn của Mỹ có tầm nhìn dài hạn, chiến lược trong kinh doanh ở Việt Nam và rất nhiều công ty đã và đang tiến hành những chương trình lớn ở đây”. “Thời báo Eo biển” của Singapore số ra ngày 27/8/2008 kết luận: “Nền kinh tế Việt Nam đã có sự khởi sắc tích cực so với vài tháng trước đây, lạm phát tiếp tục được kiềm chế và ổn định trong những tháng cuối năm. Một lần nữa Việt Nam sẽ lại trở thành điểm đến lý tưởng cho các nhà đầu tư nước ngoài”. Nhiều doanh nhân, nhà đầu tư nước ngoài khác cũng đã đánh giá Việt Nam như một con rồng kinh tế mới nhất, đang chuyển mình nhanh chóng và sẽ trở thành một trong những nền kinh tế năng động nhất và hứa hẹn nhất khu vực. Ở một số khía cạnh cơ cấu khác của Việt Nam cũng đang có sự cải thiện khá ấn tượng. Theo xếp hạng của Mạng lưới trực tuyến về hành chính công và tài chính của Liên hợp quốc (UNPAN), chỉ số Chính phủ điện tử bao gồm các chỉ số về web, hạ tầng viễn thông và nguồn nhân lực của Việt Nam năm 2008 đã tăng 16 bậc, đưa Việt Nam lên vị trí thứ 91/182 quốc gia. Báo cáo Toàn cảnh công nghệ thông tin - Truyền thông Việt Nam công bố tại Diễn đàn công nghệ thông tin Việt Nam 2008 (ICT Outlook 08) diễn ra tại thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15/7 cho thấy trong khu vực, Việt Nam đã vượt qua Indonesia để vươn lên vị trí thứ 6 sau Singapore, Malaysia, Thái Lan, Philippines và Brunei. Các chỉ số khác, như chỉ số kinh tế tri thức (KI và KEI) do World Bank xếp hạng, chỉ số sẵn sàng về hạ tầng mạng (NRI), cũng có sự thăng hạng tương ứng 3 và 9 bậc. Theo đánh giá của Liên minh Phần mềm Doanh nghiệp (BSA) và Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế (IDC), tỷ lệ vi phạm bản quyền phần mềm ở Việt Nam hiện còn 85%, giảm 3% so với năm trước và khoảng 7% trong 3 năm gần đây. Như vậy, từ vị trí quốc gia dẫn đầu thế giới về vi phạm bản quyền phần mềm, Việt Nam nay đã ra khỏi top 9 quốc gia có tỷ lệ vi phạm cao nhất. Với gần 6 triệu thuê bao quy đổi và 23,5% dân số sử dụng internet (20 triệu người), Việt Nam cũng đã



vượt ngưỡng thuê bao internet của thế giới (16,9% dân số), xếp hạng 17 trong top 20 quốc gia về số người sử dụng internet.

Một số chỉ tiêu chủ yếu 10 tháng năm 2008 (tăng/giảm) so với cùng kỳ năm trước (%)	
Giá trị sản xuất công nghiệp	+15,8
Tổng kim ngạch xuất khẩu	+36,7
Tổng kim ngạch nhập khẩu	+42,6
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	+30,7
Khách quốc tế đến Việt Nam	+3,5
Vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện (so với kế hoạch 2008)	77,1
Chỉ số giá tiêu dùng 10 tháng năm 2008 so với 10 tháng năm 2007	+23,15

Nguồn: Tổng cục Thống kê

### Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2009

Trong bức tranh tổng quát kinh tế năm 2009 ở nước ta có một số điểm đáng chú ý lớn như sau:

**Một là**, tốc độ tăng trưởng GDP sẽ giữ ở mức gần như năm 2008, khoảng trên dưới 6,5%. Tỷ giá nhiều khả năng sẽ có sự điều chỉnh tăng lên, nhưng không có biến động lớn. Dự trữ ngoại hối tiếp tục dồi dào do cán cân thanh toán tiếp tục thặng dư vì những luồng vào ngoại tệ vẫn tiếp tục lớn hơn luồng ra. Nợ nước ngoài trong tầm kiểm soát (khoảng 30% GDP). Nền kinh tế đang hạ cánh khá an toàn nhờ xì hơi hai quả bong bóng bất động sản và tài chính với những hệ quả tiêu cực không quá lớn đến nền kinh tế thực.

**Hai là**, tốc độ tăng lạm phát tuy chậm lại, thấp hơn năm 2008, nhưng vẫn giữ ở mức hai con số. Xu hướng giảm phát chưa thật chắc chắn trong tất cả các tháng của năm 2009, với nguyên nhân đặc biệt xuất phát từ tác động mặt trái của các đầu tư công, đầu tư phát triển hạ tầng và đầu tư chéo, mở rộng của khu vực doanh nghiệp Nhà nước và nguy cơ bùng phát giá cả xăng dầu trên thị trường thế giới. Trong 4 loại lạm phát thì áp lực lạm phát tiền tệ và lạm phát ngoại nhập có giảm bớt đáng kể, còn lạm phát cơ cấu và lạm phát chi phí đẩy dường như chưa có cải thiện nhiều. Về các lát cắt giá cả và thị trường, sẽ có 2 xu hướng nổi trội: Xu hướng tăng hoặc ổn định ở mức cao với những hàng ngoại nhập, mang tính liên thông quốc tế và có tính chất độc quyền cao (dầu, vàng, thuốc chữa bệnh); Xu hướng giảm ở những mặt hàng cạnh tranh tự do và cạnh tranh thị trường đầy đủ, những mặt hàng giảm thuế theo WTO, những mặt hàng giảm theo xu hướng phát triển ngành, như công nghệ thông tin, sản phẩm điện tử... Ở một số thị trường, như thị trường bất động sản, không đình trệ, không suy sụp, mà ổn định nhẹ và có tăng trưởng mạnh ở những phân khúc thị trường tiềm năng, ví dụ thị trường văn phòng cho thuê và nhà cho người thu nhập thấp (đầu tư trực tiếp nước ngoài đổ vào thị trường BĐS hiện đạt 22,2 tỷ USD, chiếm gần 50% tổng vốn

FDI đăng ký mới, chưa kể đến những dự án có quy mô từ hàng trăm triệu đến hàng tỉ USD đang còn trong giai đoạn đăng ký, chưa được chính thức cấp giấy chứng nhận đầu tư). Thị trường dịch vụ cũng sẽ phát triển, vì đây là nơi đầu tư ít, phát triển nhanh và phù hợp xu hướng phát triển chung của thế giới và chuyển đổi cơ cấu của Việt Nam. Còn các thị trường các sản phẩm công nghiệp công nghệ cao thì chuyển đổi rất lâu, đầu tư rất lớn nên chậm điều chỉnh hơn. Thị trường chứng khoán có sự nhúc nhích chứ không tăng vọt, nếu không có 2 yếu tố sau: xuất hiện những chứng khoán mới, "hàng chất lượng cao", và sự gia tăng vốn nước ngoài đổ vào mạnh mẽ hơn gắn với sự gia tăng mức độ tự do hóa tài chính trong khuôn khổ thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Nếu không, các động thái trên thị trường này chỉ là sự du di cân đối nội bộ thôi. Trước mắt, Việt Nam tiếp tục giữ được vị trí là 1 trong số địa điểm hấp dẫn nhất thế giới cho đầu tư vào lĩnh vực bán lẻ...

**Ba là**, kinh tế đối ngoại và khu vực kinh tế nước ngoài sẽ có sự phát triển và tạo xung lực tích cực mới cho phát triển KT-XH đất nước, mặc dầu hầu hết các hàng xuất khẩu sẽ có khó khăn hơn do khả năng trước mắt sẽ có sự thu hẹp tổng cầu, gia tăng bảo hộ và giảm giá bán trên thị trường thế giới. Việt Nam sẽ có ảnh hưởng ngày càng lớn trong Hiệp hội các quốc gia Đông - Nam Á (ASEAN) và Diễn đàn kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC). Các nguồn vốn chủ chốt bù đắp cho cán cân thanh toán của Việt Nam (như FDI) vẫn khá ổn định, trừ nguồn thu ngoại tệ từ kiều hối và xuất khẩu.

**Bốn là**, bên cạnh những điểm thuận lợi nêu trên, nhiều yêu cầu đổi mới tiếp tục đặt ra cấp thiết hơn. Điểm cần nhấn mạnh là khó khăn tới đây sẽ nặng nề hơn đối với khu vực doanh nghiệp và các ngân hàng, có liên quan trước hết đến các quá trình huy động vốn, vay và trả nợ vốn vay (ảnh hưởng trực tiếp và nặng nhất là khối kinh tế ngoài quốc doanh, bởi quy mô nhỏ, yếu về tài chính, lại kém thế ở khả năng tiếp cận nguồn vốn vay). Trong ngắn hạn, môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn sẽ còn nhiều khó khăn do độ trễ của chính sách





## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

thắt chặt tiền tệ lên đời sống kinh tế và sức mua thị trường trong nước, nhất là hàng tiêu dùng nhiều khả năng tiếp tục bị cắt giảm. Lợi nhuận của nhiều ngân hàng và doanh nghiệp sẽ giảm mạnh do thị trường tài chính toàn cầu tiếp tục chao đảo, tỷ lệ nợ xấu có nguồn gốc bất động sản tiếp tục gia tăng và chi phí huy động vốn vẫn ở mức rất cao. Thậm chí không loại trừ một số ngân hàng có nguồn vốn nước ngoài sẽ thu hẹp quy mô đầu tư ở Việt Nam do các khó khăn về nguồn vốn từ ngân hàng mẹ. Lãi suất huy động và cho vay sẽ tiếp tục duy trì ở mức hai con số, về trung và dài hạn sẽ ngày càng tiếp cận và vượt mức lạm phát trong cùng thời điểm so sánh. Cần nhấn mạnh rằng, mặc dù sẽ không có nguy cơ khủng hoảng kinh tế trong năm 2009, nhưng những yếu kém về cơ cấu, thể chế và thậm chí là mô hình phát triển của nền kinh tế Việt Nam sẽ bộc lộ rõ hơn do *đầu tư sai và kém hiệu quả* của khu vực kinh tế nhà nước và cả đầu tư trực tiếp nước ngoài (một khối lượng FDI khổng lồ đang tập trung vào các khu vực phi sản xuất và phi thương mại quốc tế sẽ là gánh nặng gây ra thâm hụt thương mại ngày càng lớn trong tương lai, đồng thời ít có đóng góp trong việc nâng cao năng suất và hiệu quả của nền kinh tế); Sự thiếu hụt và yếu kém về cơ sở hạ tầng, năng lượng, kiến thức khoa học công nghệ và nhân lực trình độ cao tiếp tục là những nút cổ chai cản trở tăng trưởng trung hạn và dài hạn của Việt Nam. Đồng thời cải cách cơ chế và tái cấu trúc khu vực doanh nghiệp (nhất là các doanh nghiệp nhà nước) và khu vực tài chính-ngân hàng, đặc biệt là ngăn chặn tình trạng tham nhũng khá nặng nề sẽ đầy khó khăn, nhưng không thể né tránh, trì hoãn hoặc thực hiện một cách hình thức, phong trào...

Về tổng quát, có thể nói, mặc dầu đã, đang và sẽ còn tiếp tục đối diện với nhiều thách thức không nhỏ, song Việt Nam đã, đang và sẽ tiếp tục đổi mới, hội nhập và phát triển, hướng đến một tương lai ngày càng tốt đẹp hơn. Bơ-nơ-dích Bin-ham, Đại diện IMF tại Việt Nam: “Chúng tôi cho rằng câu chuyện cải cách kinh tế thành công trong một giai đoạn dài của Việt Nam vẫn tạo ra sức hút đối với các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài”; còn Bernama - Hãng Thông tấn quốc gia Ma-lai-xi-a nhận định: Việt Nam chắc chắn sẽ vượt qua những khó khăn. Tất cả các lĩnh vực ở Việt Nam đều có khả năng để phát triển hơn nữa và những lĩnh vực này có thể thu hút thêm đầu tư nước ngoài và duy trì tỷ lệ tăng trưởng cao. Có thể nói, triển vọng kinh tế Việt Nam là rất khả quan, nói như ông A-lanh Grin-xpen - nguyên Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ, người được mệnh danh là “thầy phù thủy của kinh tế Mỹ” – thì, Chính phủ Việt Nam đã đi đúng hướng trong việc áp dụng 8 nhóm giải pháp nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, điều cốt lõi là mỗi quốc gia, mỗi Chính phủ phải có đủ dũng cảm để thực hiện một cách đầy đủ những quyết sách đã lựa chọn của mình ■



### Biến động thái nổi bật trên thị trường tiền tệ Việt Nam năm 2008

*Thứ nhất, lãi suất biến động mạnh và liên tục tăng cao trong những tháng đầu năm và giảm dần trong những tháng cuối năm:*

Trong những tháng đầu năm 2008, đặc biệt là trong khoảng thời gian tháng 2/2008 đến tháng 5/2008, lãi suất huy động liên tục tăng cao. Tuy nhiên, những tháng cuối năm, lãi suất thị trường có xu hướng giảm: Lãi suất huy động và cho vay bằng VND giảm 3,0%-4,5%/năm và hiện nay, lãi suất huy động phổ biến từ 8,5%-9,5%/năm, cho vay bằng VND phổ biến ở mức: ngắn hạn là 10,8-11,58%/năm, trung và dài hạn là 12-12,75%/năm; lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức: ngắn hạn là 6,1-7,5%/năm, trung dài hạn là 7,2-8,5%/năm. Có thể đánh giá chung về diễn biến tình hình lãi suất trong năm 2008 chủ yếu gắn liền với 3 yếu tố chính sau:

(i) *Yếu tố thị trường:* Trong điều kiện lạm phát, việc tăng lãi suất là phù hợp, nhằm đảm bảo lợi ích của các thành viên của thị trường tiền tệ (ngân hàng, người gửi tiền, người vay tiền).

(ii) *Tác động của việc thực thi chính sách tiền tệ (CSTT) thắt chặt:* Việc thực thi chính sách thắt chặt tiền tệ của ngân hàng trung ương (NHTW) thông qua công cụ dự trữ bắt buộc, phát hành tín phiếu bắt buộc và công cụ lãi suất đã tác động trực tiếp đến thị trường tiền tệ và hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại (NHTM), theo